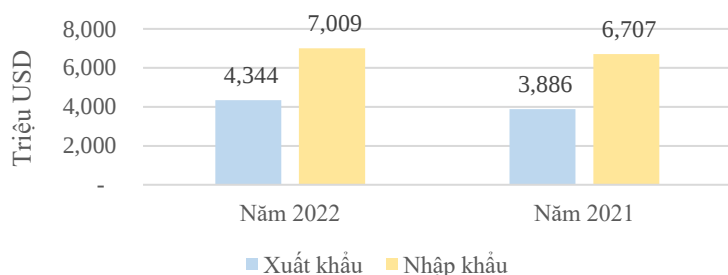


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường ASEAN



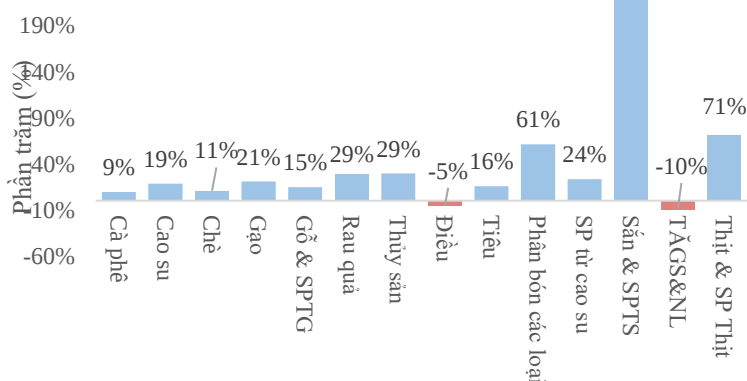
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - ASEAN



So sánh xuất nhập khẩu NLTS
Việt Nam – ASEAN
(12T/ 2022 – 12T/ 2021)

Xuất khẩu	▲ 11,79%
Nhập khẩu	▲ 04,50%

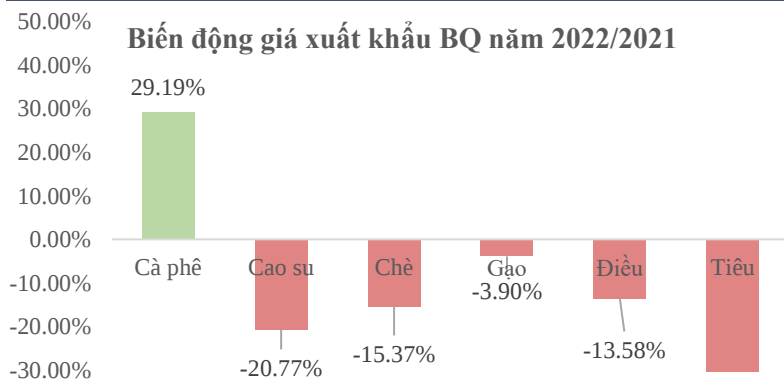
Biến động Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang ASEAN năm 2022/21



So sánh 12T-2022/ 2021

Cà phê	▲ 09,49%
Cao su	▲ 18,56 %
Chè	▲ 10,86 %
Gạo	▲ 20,75 %
Gỗ và SP Gỗ	▲ 14,65 %
Rau quả	▲ 28,56 %
Thủy sản	▲ 29,44%
Hạt điều	▼ 05,18 %
Hạt tiêu	▲ 15,63 %
Phân bón	▲ 61,26 %
SP từ cao su	▲ 23,51 %
Sản & SP sản	▲ 308,5%
TÀGS và NL	▼ 09,82 %
Thịt và SPTT	▲ 70,90%

Biến động giá xuất khẩu BQ năm 2022/2021



So sánh giá xuất khẩu BQ
T12-2022/2021

Cà phê	▲ 29,19%
Cao su	▼ 20,77%
Chè	▼ 15,37%
Gạo	▼ 03,90%
Hạt điều	▼ 13,58%
Hạt tiêu	▼ 30,66%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Năm 2022, xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm 17,51% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Giá trị xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN đạt 4,34 tỷ USD, tăng 11,79% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi nhập khẩu đạt hơn 7 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 12/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 360,1 triệu USD, tăng 2,81% so với tháng trước nhưng giảm 8,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 11/2022 là gạo (chiếm 40%), thủy sản (chiếm 20%), phân bón các loại (chiếm 9%); gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 8%); thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 7%). So với tháng 12/2021, có 5/13 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất là sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 102,73%), phân bón các loại (tăng 64,72%); thủy sản (tăng 21,21%); gỗ và sản phẩm từ gỗ (tăng 19,29%)... 8/13 mặt hàng có xu hướng giảm, giảm mạnh nhất là cà phê (giảm 32,95%); hạt điều (giảm 27,70%); hạt tiêu (giảm 25,85%)...*Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Sầu riêng Philippine được phép xuất khẩu sang Trung Quốc từ ngày 7/1/2023 nếu đáp ứng các yêu cầu liên quan. Hiện nay, Philippine đã có kế hoạch xuất khẩu lô sầu riêng trị giá 260 triệu USD sang Trung Quốc. Số sầu riêng này sẽ được mua từ các trang trại đã đăng ký ở các vùng sản xuất sầu riêng chính của Davao, Davao del Sur và Bắc Cotabato.

Campuchia đã xuất khẩu 169.658 tấn xoài tươi và sấy khô trong 11 tháng đầu năm 2022, giảm 30,28% so với cùng kỳ năm ngoái. Các nhà nhập khẩu xoài tươi của Campuchia bao gồm Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông và Áo. Các thị nhà nhập khẩu xoài sấy khô gồm: Trung Quốc, Thái Lan, Philippines, Việt Nam, Nhật Bản, Nga, Ý, Anh, Hàn Quốc, Mỹ và Úc.

Báo cáo từ Hiệp hội Cao su Quốc tế cho biết, năm 2022, sản lượng cao su từ Thái Lan, Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a đã giảm so với năm trước. Nguyên nhân giảm là do bệnh hại trên lá, thời tiết bất lợi, nhiệt độ khí hậu tăng không thuận lợi cho mùa khai thác. Ngoài ra, việc sử dụng phân bón ít hơn do giá cao cũng đã dẫn đến sự suy giảm năng suất

Bộ Hàng hải và Nghề cá Indonesia (KKP) cho biết, chính quyền địa phương của đảo Đông Sumba đang hỗ trợ đầu tư vào một trang trại nuôi tôm rộng 1.500 ha ở Waingapu. Trang trại được xây dựng để trở thành trang trại lớn nhất Indonesia với sự kết hợp giữa đầu tư công và tư. Khoảng 60% diện tích trang trại (khoảng 900ha) sẽ nuôi tôm. Mỗi ha ao nuôi tôm có thể sản xuất 40 tấn, nhưng mỗi năm thu hoạch hai lần.

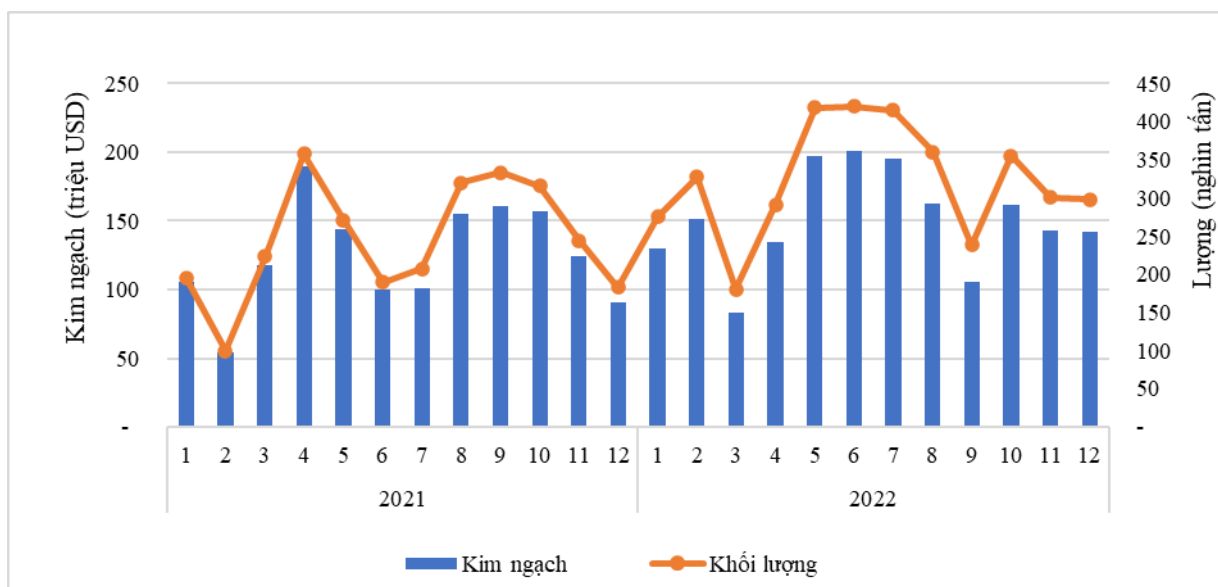
Theo chuyên gia về thị trường Trung Đông và cựu Giám đốc điều hành Tập đoàn Thai Union, Arnab Sengupta, cuộc khủng hoảng kinh tế ở Ai Cập - thị trường cá ngừ đóng hộp lớn nhất ở Trung Đông và là nước NK lớn của Thái Lan - đang khiến công suất bị dư thừa. Công suất chưa sử dụng trong ngành chế biến đồ hộp Thái Lan có thể được cải thiện nhờ sức mua mạnh hơn của EU khi đồng euro mạnh lên.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 12/2022 ước đạt 297,9 nghìn tấn với trị giá 142,5 triệu USD, giảm 0,8% về lượng và 0,3% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 63,0% về lượng và 56,7% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm 2022, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang ASEAN ước đạt 3,9 triệu tấn với trị giá 1,8 tỷ USD, tăng 32,0% về lượng và 20,5% về giá trị so với năm trước.

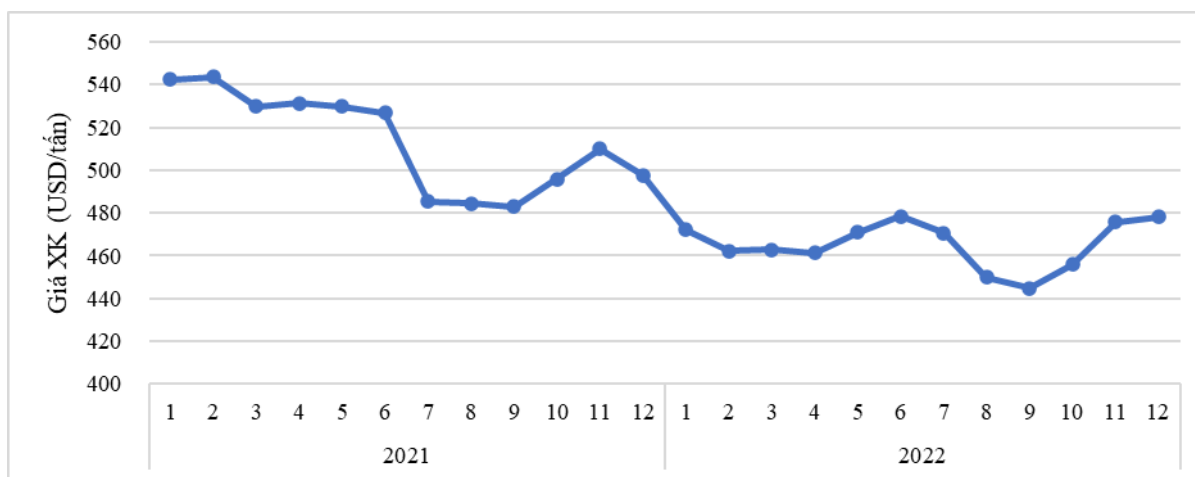
Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân gạo Việt Nam sang ASEAN tháng 12/2022 đạt 478 USD/tấn, tăng 0,5% so với tháng trước và giảm 3,9% so với cùng kỳ năm trước.

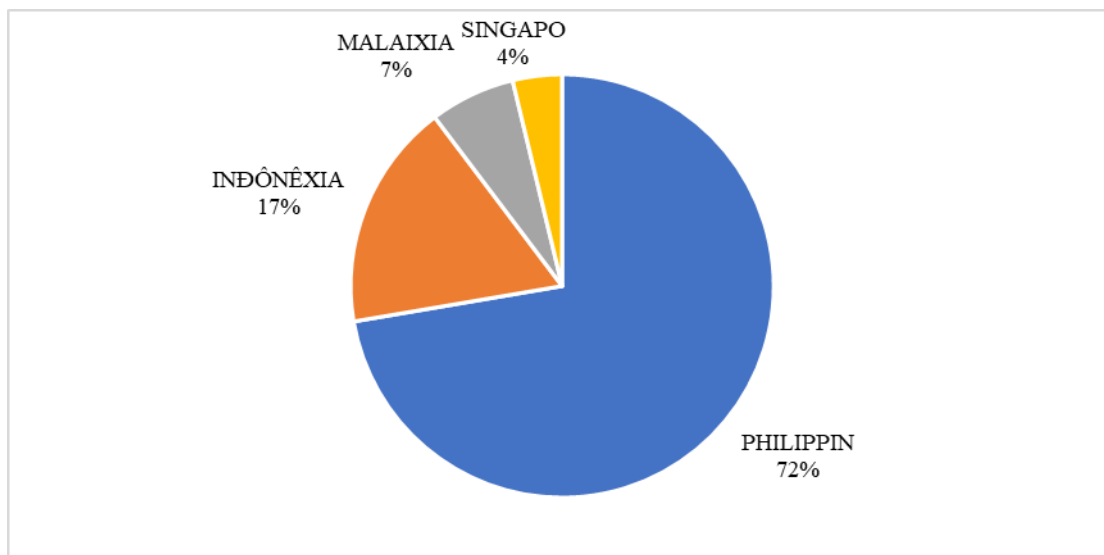
Hình 2. Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, Philippin là quốc gia nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam tại ASEAN với 103,0 triệu USD, chiếm 72,3% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường ASEAN. Indonesia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 24,8 triệu USD, chiếm 17,4%. Tiếp theo là Malaysia và Singapore chiếm lần lượt 6,5% và 3,8% trong tổng kim ngạch gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

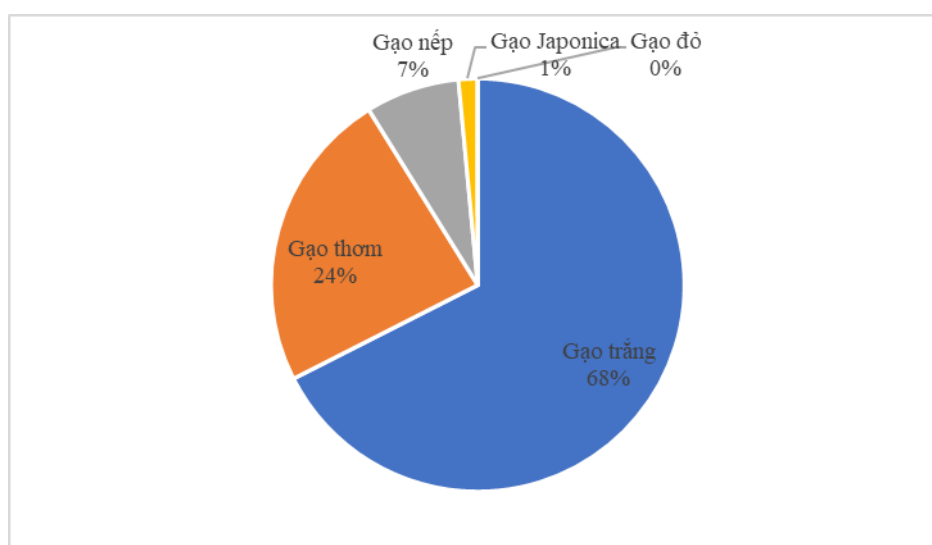
Hình 3. Cơ cấu xuất khẩu gạo sang các quốc gia thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Trong tháng 12/2022, gạo trắng là loại gạo có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường ASEAN đạt 98,3 triệu USD, chiếm 67,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gạo thơm với kim ngạch 34,4 triệu USD, chiếm 23,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gạo nếp và gạo Japonica chiếm 7,4% và 1,5% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

Hình 4. Chủng loại gạo xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 12/2022



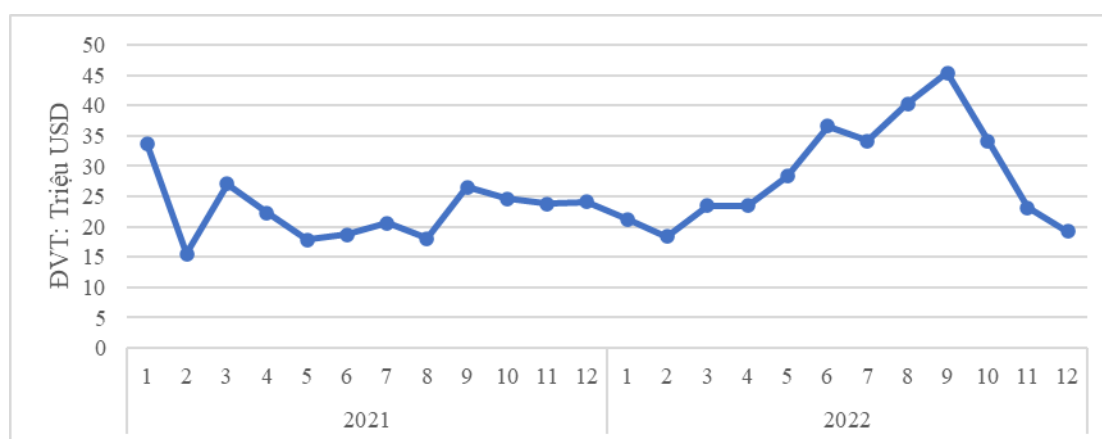
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Theo China.com của Thái Lan, vụ sản xuất sầu riêng năm 2023 của Thái Lan sắp đến và tổng sản lượng dự kiến đạt 756.456 tấn, tăng 3,3% so với năm ngoái. Theo thời gian thu hoạch chính thức, sớm nhất là sầu riêng miền Đông sẽ bắt đầu thu hoạch vào ngày 10/3/2022.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 12 năm 2022 đạt 19,3 triệu USD, chiếm 6,2% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 16,8% so với tháng trước và giảm 20,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả năm 2022, giá trị xuất khẩu đạt 347,8 triệu USD, chiếm 10,3% thị phần và tăng 27,5% so với cùng kỳ năm 2021.

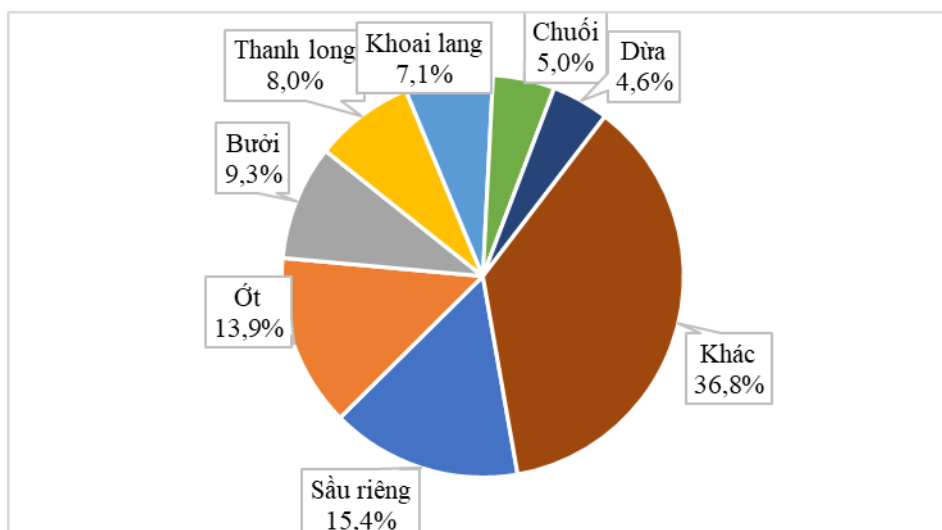
Hình 5. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 12 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 15,2 triệu USD (chiếm 79,0% thị phần, giảm 22,6% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 4,0 triệu USD (chiếm 21,0% thị phần), giảm 8,9%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (Mã HS: 2008) đạt 1,2 triệu USD (giảm 43,0% so với cùng kỳ năm trước); (ii) rau chế biến (không đông lạnh - Mã HS.2005) đạt 1,2 triệu USD (tăng 40,1%); (iii) nước ép, nước cốt trái cây (Mã HS: 2009) đạt 1,1 triệu USD (tăng 18,1%); v.v.

Trong tháng 12 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm: sầu riêng đạt gần 3 triệu USD (chiếm 15,4% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 12,8% so với cùng kỳ năm 2021; ớt đạt 2,7 triệu USD (chiếm 13,9%), giảm 31,5%; bưởi đạt 1,9 triệu USD (chiếm 9,3%), cao gấp 31,7 lần; thanh long đạt 1,5 triệu USD (chiếm 8,0%), tăng 5,6%; khoai lang đạt 1,4 triệu USD (chiếm 7,1%), giảm 22,9%; v.v.

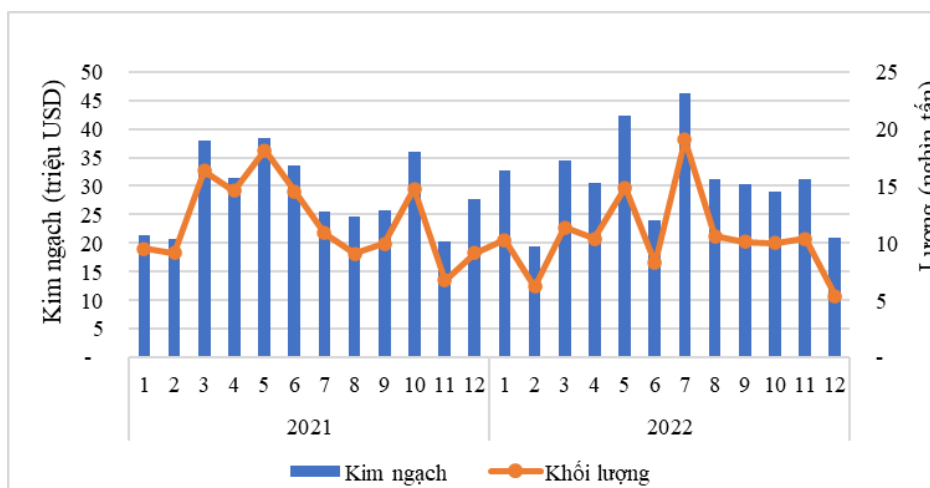
Hình 6. Cơ cấu rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN tháng 12/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 12 năm 2022 đạt 22,3 triệu USD, chiếm 11,2% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả năm 2022, giá trị nhập khẩu đạt 267,4 triệu USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 12/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là đậu xanh đạt 12,5 triệu USD (chiếm 56,1%), tăng 14,0% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 2,5 triệu USD (chiếm 11,3%), tăng 131,9%; nhãn đạt 1,1 triệu USD (chiếm 4,7%), giảm 62,5%; rong biển đạt 313,3 nghìn USD (chiếm 1,4%), tăng 24,7%; v.v.

3. CÀ PHÊ

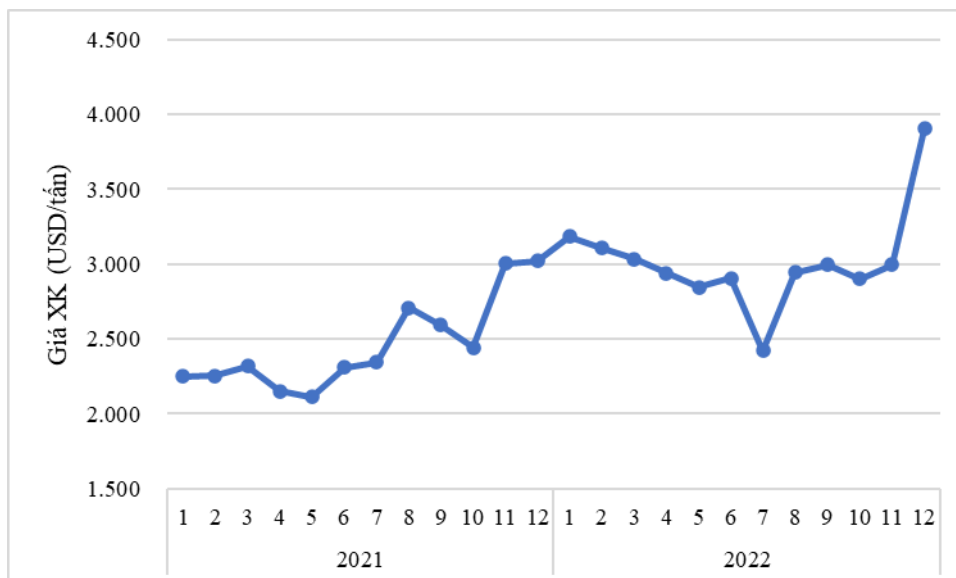
Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 12/2022 ước đạt 5,4 nghìn tấn với trị giá 21 triệu USD, giảm 48,3% về lượng và 32,5% về giá trị so với tháng trước; giảm 41,1% về lượng và 24% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hình 7. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 12/2022 đạt 3.905 USD/tấn, tăng 30,4% so với tháng trước và 29,2% so với cùng kỳ năm trước.

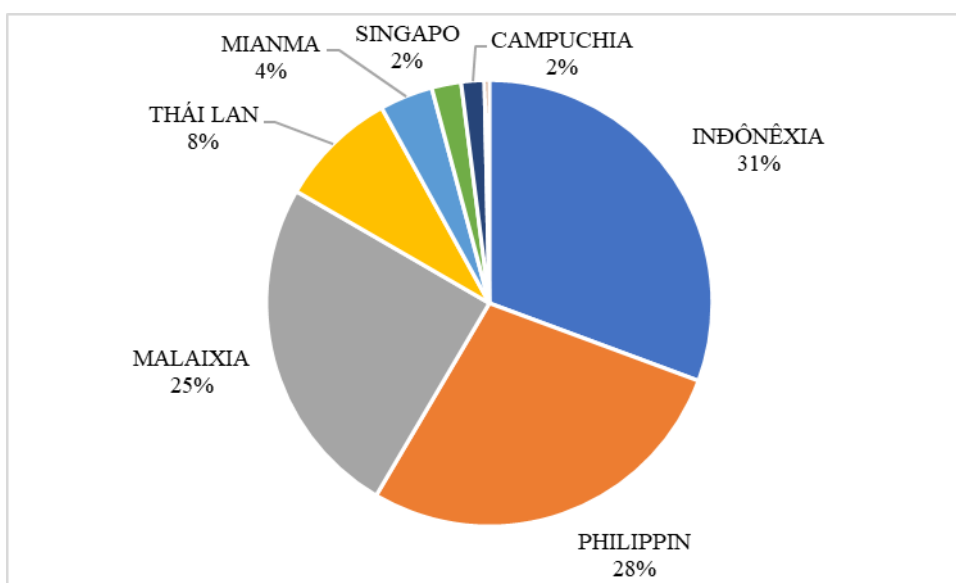
Hình 8. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, Indônêxia là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 6,5 triệu USD, chiếm 30,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN. Philippin là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 5,8 triệu USD, chiếm 27,8%. Tiếp theo là Malaixia, Thái Lan và Mianma chiếm lần lượt 24,9%, 8,6% và 3,8% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

Hình 9. Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN

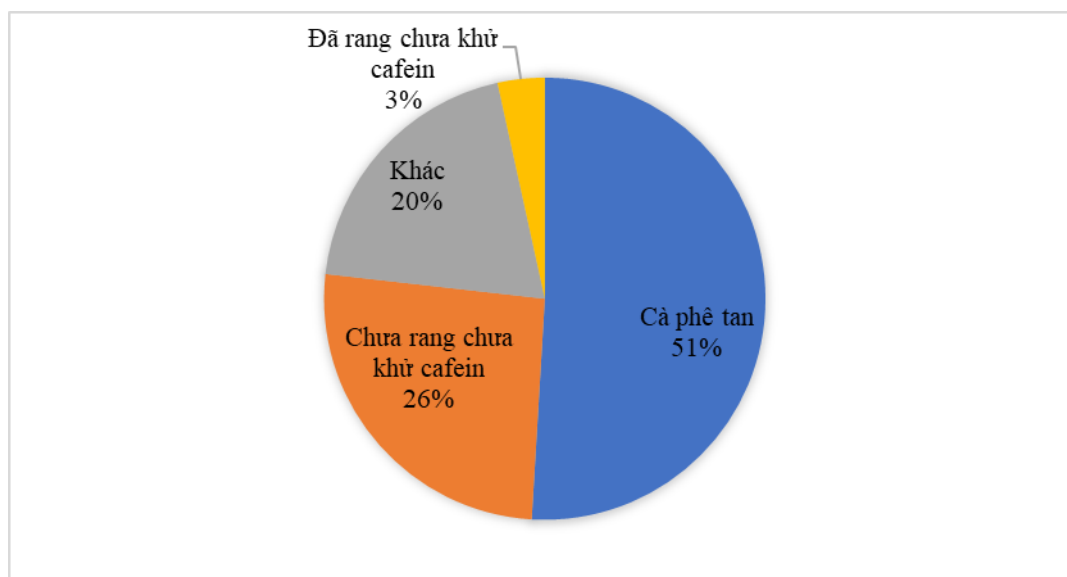


Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Trong tháng 12/2022, cà phê hòa tan là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường ASEAN đạt 10,69 triệu USD, chiếm 50,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đúng

thứ hai là cà phê chưa rang chưa khử cafein với kim ngạch 5,43 triệu USD, chiếm 25,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 3,4% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

Hình 10. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 12/2022

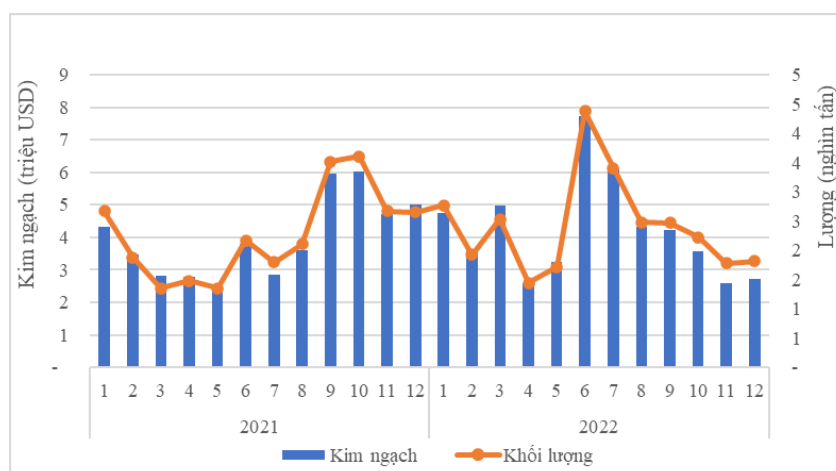


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2022, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 1,811 nghìn tấn với trị giá 2,706 triệu USD, tăng 1,8% về khối lượng và 4,1% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ 2021, giảm 31,61% về khối lượng và giảm 45,81% về giá trị. Cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 10,7% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

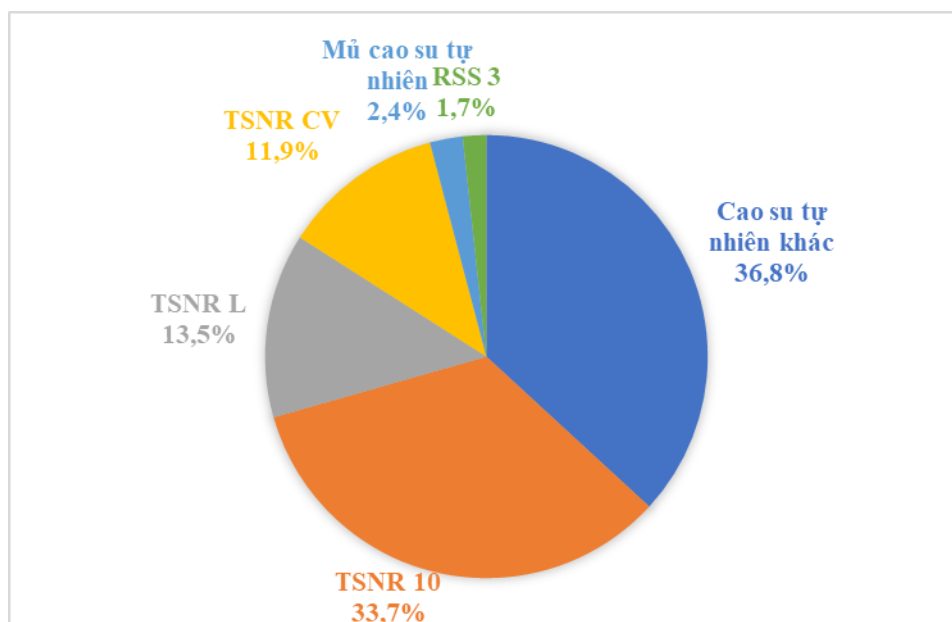
Hình 11. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, TRNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên sang các quốc gia ASEAN, chiếm 33,7%. Đứng thứ hai là TSNR L chiếm tỷ trọng 13,5%. Tiếp theo lần lượt là TSNR CV (11,9%), mủ cao su tự nhiên (2,4%) và RSS 3 (1,7%).

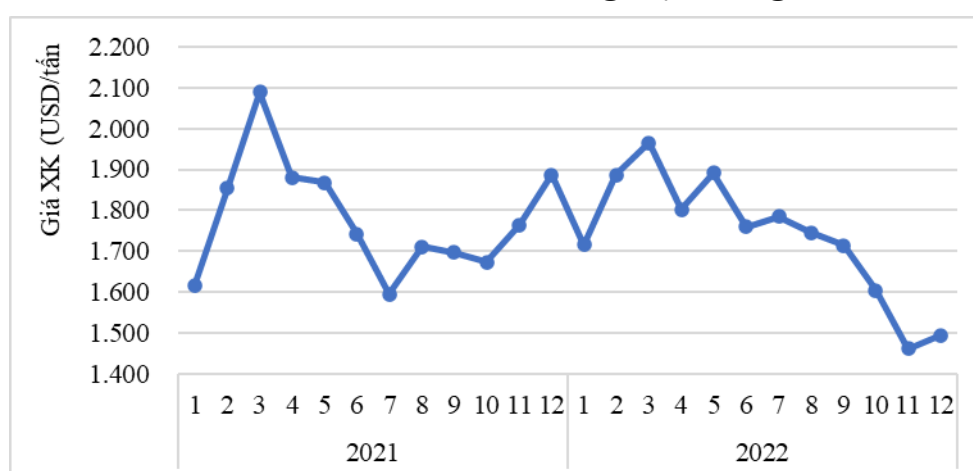
Hình 12. Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, bình quân giá cao su xuất khẩu sang các quốc gia ASEAN tiếp tục giảm xuống mức 1.494 USD/tấn, tăng 2,2% so với tháng trước và giảm 20,8% so với cùng kỳ 2021.

Hình 13. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN

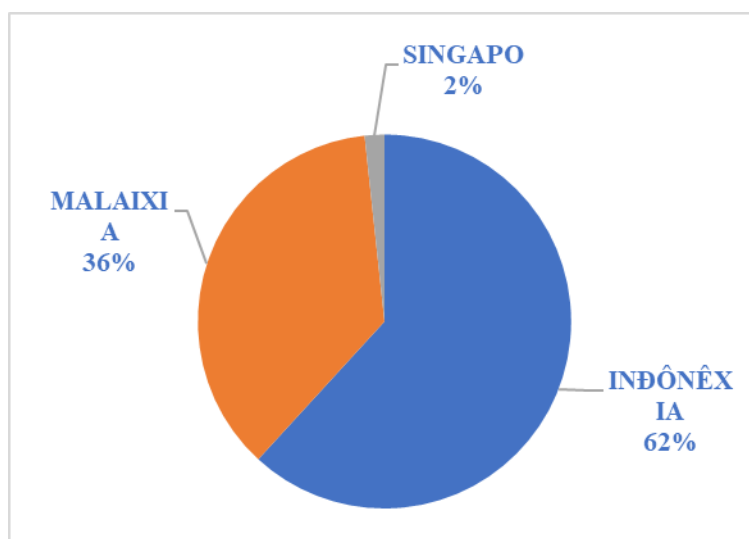


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối ASEAN, tháng 12/2022, Indonesia tiếp tục là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 1,673 triệu USD, chiếm 62% tổng kim ngạch xuất

khẩu cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 987 nghìn USD, chiếm 36%, cuối cùng là Singapo với 46,17 nghìn USD chiếm 2%.

Hình 14. Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường ASEAN

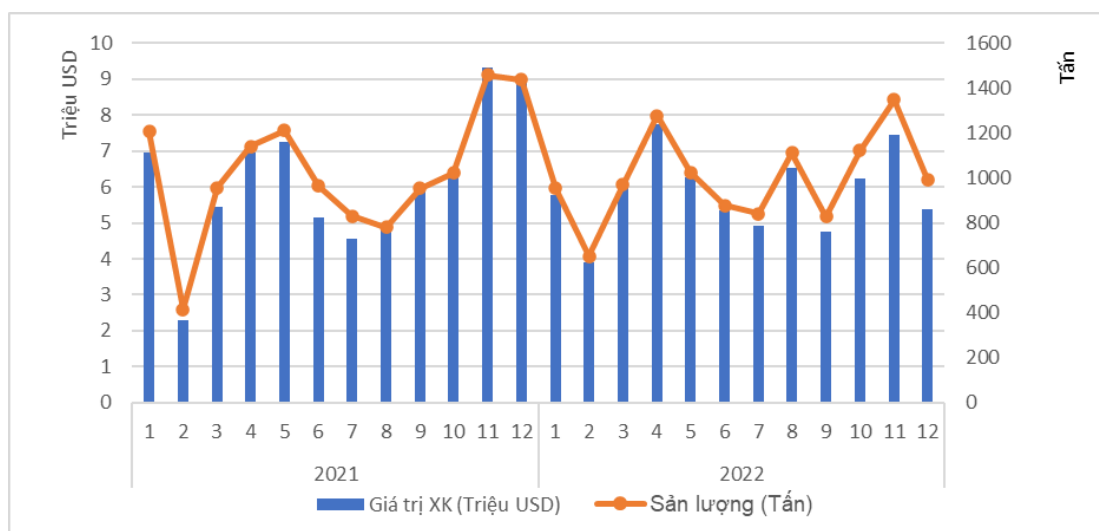


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2022, Việt Nam xuất khẩu được 994 tấn điều, trị giá 5,392 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 26,4% về khối lượng và giảm 27,7% về giá trị so với tháng trước; giảm 30,8% về khối lượng và giảm 40,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2022 đạt 12.002 tấn, trị giá 70,3 triệu USD, giảm 5,2% về khối lượng và giảm 3,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

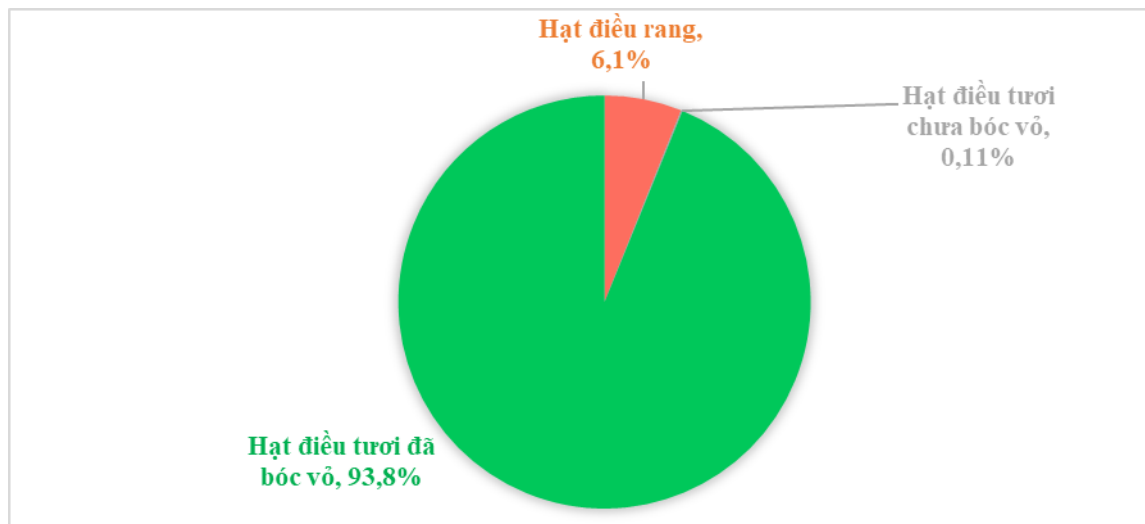
Hình 15. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng chính trong tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này (chiếm 93,8%), giảm 26,5% so với tháng trước và giảm 36% so với cùng kỳ năm trước, hạt điều rang chiếm khoảng 6,1%, hạt điều tươi chưa bóc vỏ chiếm tỷ trọng rất nhỏ 0,11%.

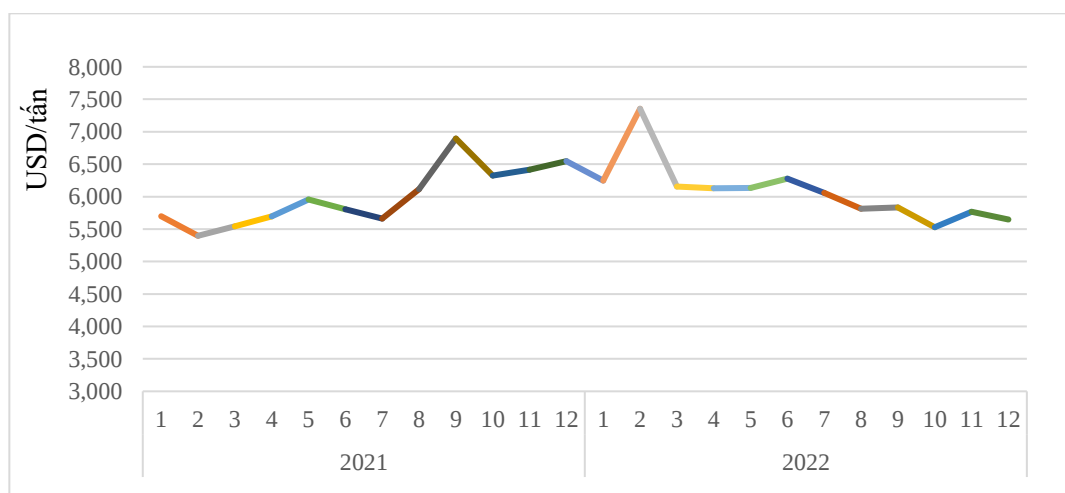
Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Bình quân giá xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN đạt 5.647 USD/tấn, giảm 7,1% so với tháng trước và giảm 8,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 12/2022 đạt trung bình là 4.837 USD/tấn, giảm 3,8% so với tháng trước và giảm 13,3% so với cùng kỳ năm trước

Hình 17. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN



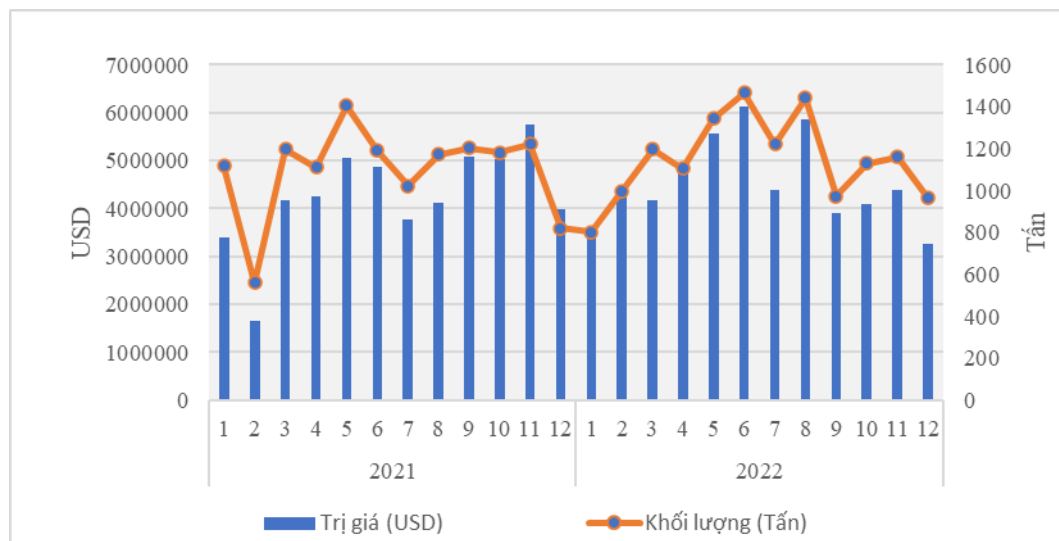
Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường ASEAN trong tháng 12/2022 đạt 966 tấn hồ tiêu với trị giá 3,252 triệu USD, giảm

16,7% về khối lượng và giảm 28,85% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, tăng 17,8% về khối lượng và giảm 18,3% về giá trị.

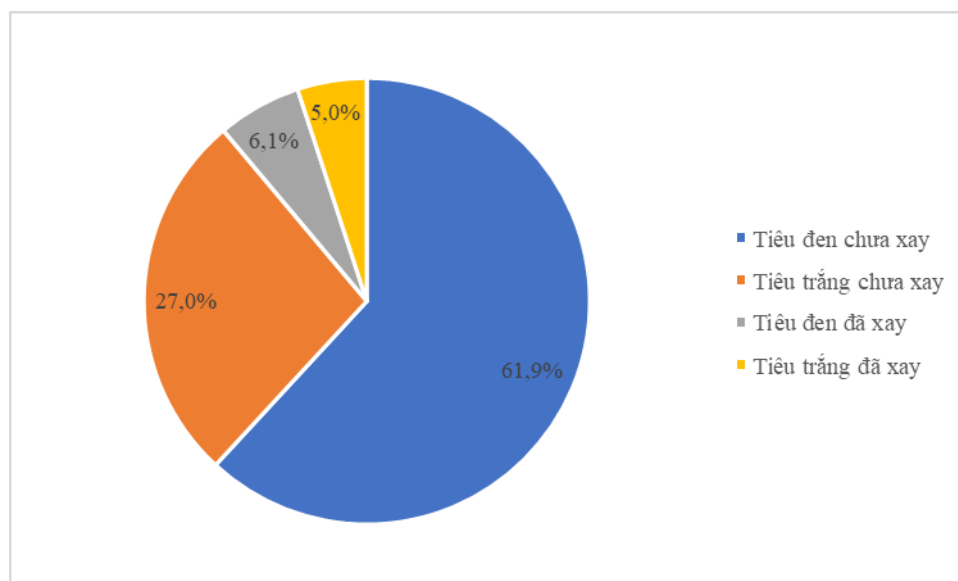
Hình 18. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, hạt tiêu chưa xay vẫn là sản phẩm xuất khẩu chiếm ưu thế tại thị trường ASEAN, trong đó, tiêu đen chưa xay chiếm tỷ trọng cao nhất tới 61,9% tổng giá trị xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường này, giảm 1,3% so với tháng trước và tăng 22,2% so với cùng kỳ năm 2021. Tiêu trắng chưa xay là sản phẩm chiếm tỷ trọng cao thứ hai với 27%, giảm 36,8% so với tháng trước và giảm 36,7% so với cùng kỳ năm 2021. Hạt tiêu đã xay chiếm 5% là tiêu trắng và tiêu đen là 6,1% trong tổng giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này.

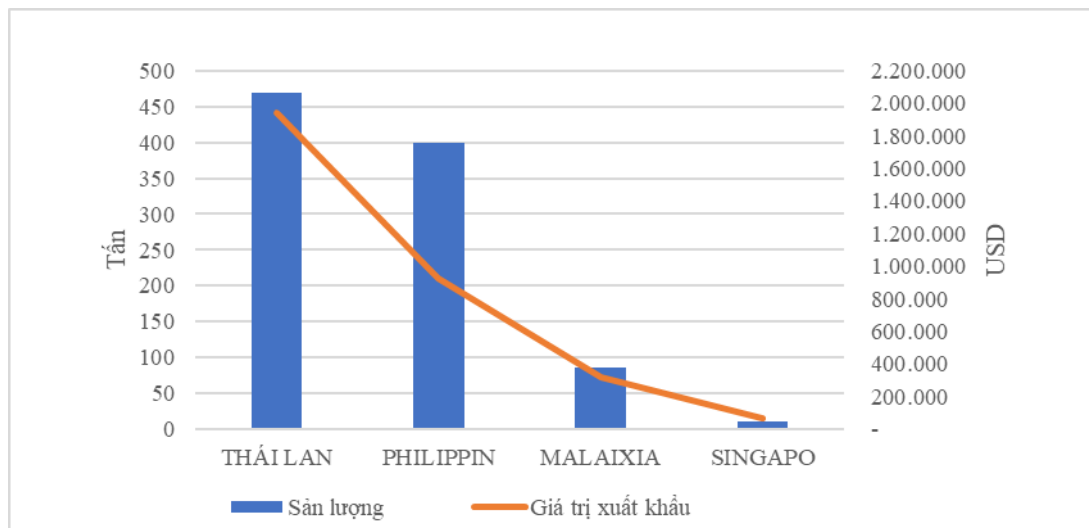
Hình 19. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 12/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 12/2022, Thái Lan là thị trường dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong khối ASEAN đạt 1,938 triệu đô với 469 tấn, chiếm 59,6%. Đứng thứ 2 là Philippin với 400 tấn, đạt 925 nghìn USD (chiếm 28,45%). Tiếp theo là Malaysia và Singapo đạt lần lượt là 319 nghìn USD và 69 nghìn USD (chiếm lần lượt 9,8% và 2,1%).

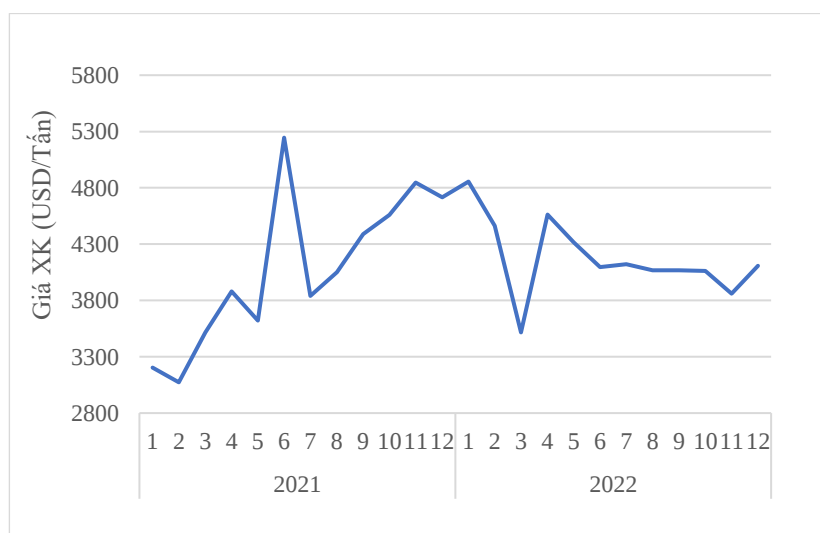
Hình 20. Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam thị trường ASEAN tháng 12/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 12/2022 đạt 4.107 USD/tấn, tăng 6,4 so với tháng trước và giảm 12,9% so với cùng kỳ năm 2021.

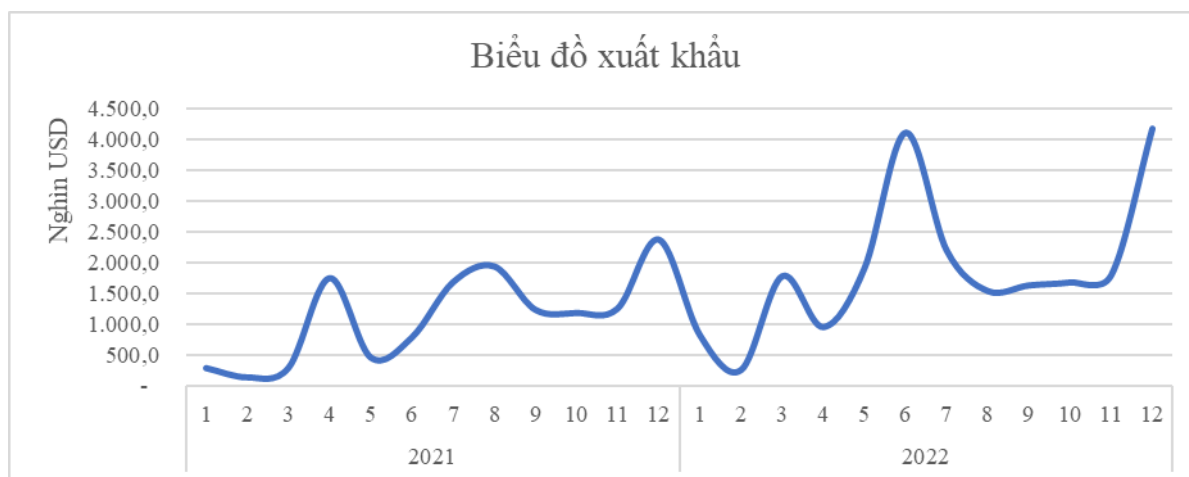
Hình 21. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

7. THỊT VÀ SP TỪ THỊT

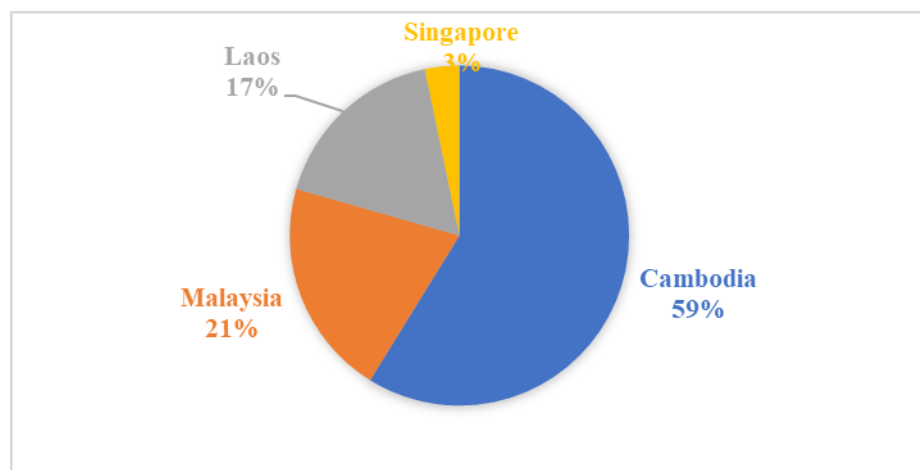
Trong tháng 12/2022, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN vẫn tiếp tục đà tăng từ tháng trước đạt 4,186 triệu USD, tăng 132,5% so với tháng trước và tăng 76% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 22. Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trâu, bò sống là mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 12/2022 đạt 1,228 triệu USD, chiếm 53,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm đạt 980,8 nghìn USD chiếm 23,4%. Gia cầm sống đạt 244,775 nghìn USD, chiếm 5,8% giảm 5,6% so với tháng trước. Thịt trâu, bò, đông lạnh đạt 203,408 nghìn USD chiếm 4,9%, giảm 47,9% so với tháng trước và giảm 55% so với cùng kỳ năm 2021. Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh đạt 183,086 nghìn USD chiếm 4,4% giảm 53,2% so với tháng trước và giảm 78,6% so với cùng kỳ năm 2021. Thịt khác, phụ phẩm giết mổ, lợn sống chiếm lần lượt 4,1%, 1,9%, 1,9% tổng giá trị xuất khẩu.

Trong tháng 12/2022, Campuchia là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khu vực của Việt Nam đạt 2,457 triệu USD, chiếm 59% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Malaysia đạt 800,842 nghìn USD chiếm 21%. Lào là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam trong tháng này đạt 723,044 nghìn USD, chiếm 17%. Cuối cùng là Singapore chiếm 3% tổng giá trị xuất khẩu.

Hình 23. Cơ cấu giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang các nước ASEAN tháng 12/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về tình hình nhập khẩu, trong tháng 12/2022, Việt Nam nhập khẩu khoảng 6,959 triệu USD sản phẩm thịt và động vật sống từ các nước ASEAN, giảm 45,7% so với tháng trước và giảm 17,6% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 12/2022 vẫn là trâu bò sống chiếm tới 82,9% đạt 5,77 triệu USD, giảm 47,6% so với tháng trước và 17,6% so với cùng kỳ năm 2021; gia cầm sống chiếm 14,1%, đạt 979,966 nghìn USD; thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...) chiếm 3%.

Hình 24. Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

FAO cho biết Nhập khẩu thịt heo của Philippines trong năm nay có thể tăng 2,71% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức kỷ lục 341.000 tấn để giải quyết sự thiếu hụt nguồn cung trong nước do dịch ASF gây ra, FAO cho biết trong một báo cáo triển vọng nửa năm. Bên cạnh đó, lượng heo địa phương của nước này sẽ tăng nhẹ trong năm nay lên 1,192 triệu tấn so với mức 1,118 triệu tấn của năm ngoái. Tổng lượng heo cho giết mổ ước tăng nhẹ lên 1.531 tấn so với 1.518 tấn của năm 2021.

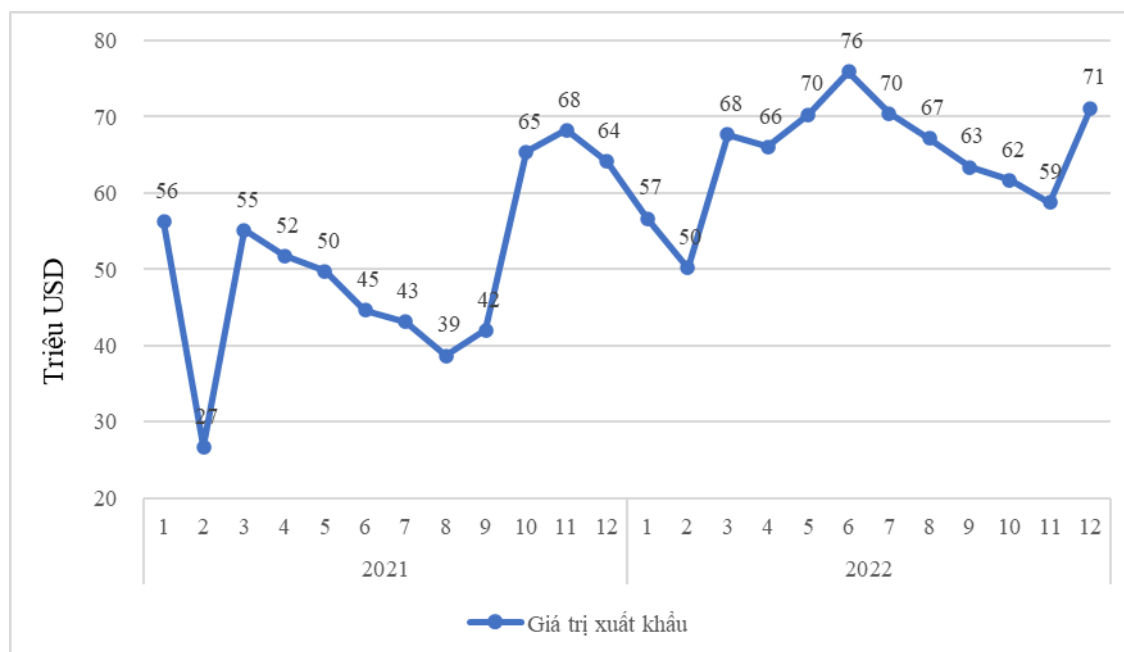
8. THỦY SẢN

Theo báo cáo của Far Eastern Agricultural, ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã phê duyệt khoản vay 93 triệu USD để tăng cường nuôi tôm của các hộ sản xuất nhỏ tại 7 khu vực ở Indonesia. Dự án sẽ giúp Bộ các vấn đề biển và nghề cá của Indonesia giới thiệu nuôi tôm bền vững để tăng năng suất, lợi nhuận và tính bền vững về môi trường của các hộ nuôi tôm nhỏ ở Bali, Banten, Trung Java, Đông Java, Lampung, Nangro Aceh Darussalam và Nam Sulawesi.

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 12/2022 đạt 71,2 triệu USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 7,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 779,6 triệu USD, tăng 24,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 25. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 2021-2022

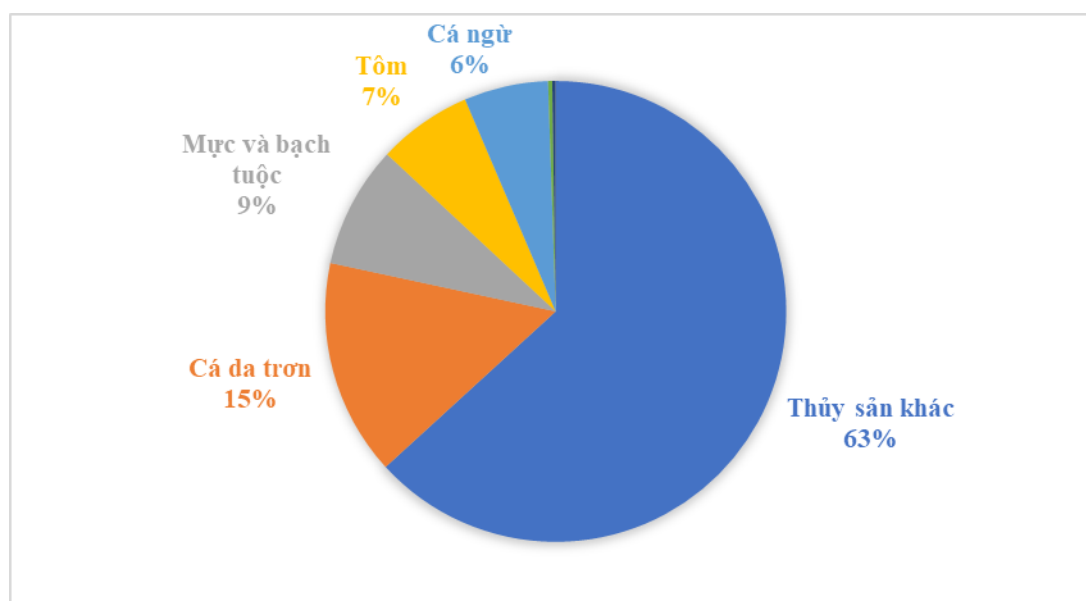
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 12/2022, chiếm 15,2% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 8,6%; tôm chiếm 6,1%.

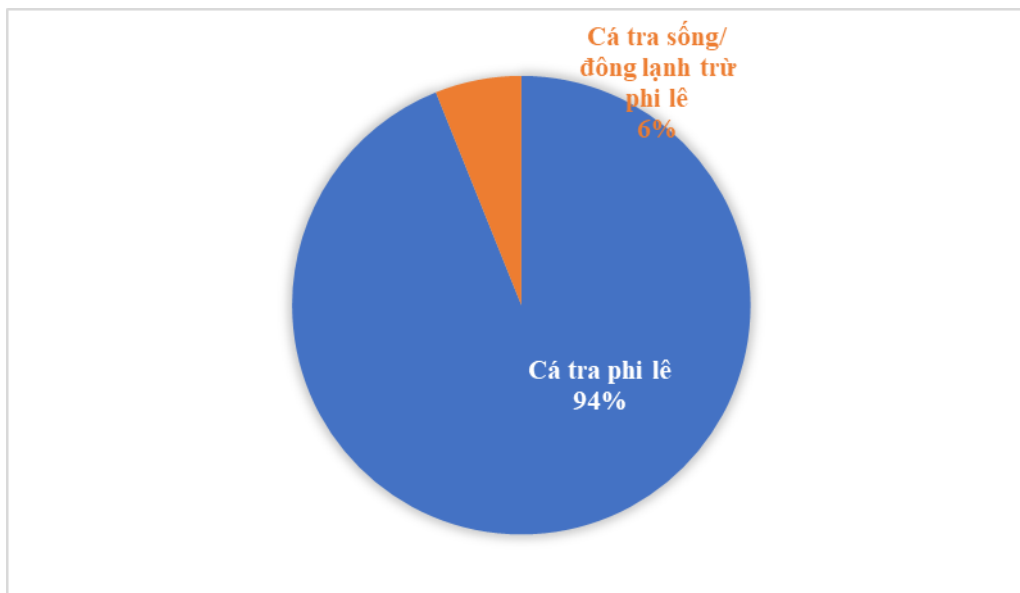
Hình 26. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang ASEAN tháng 12/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 12/2022, giá trị xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này đạt 10,8 triệu USD, giảm 30,7% so với cùng kỳ năm trước, và 12,4% so với tháng 11/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 10,1 triệu USD, chiếm 93,6%, giảm 32,4% so với cùng kỳ năm trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,7 triệu USD, chiếm 6,1%, tăng 10,3%.

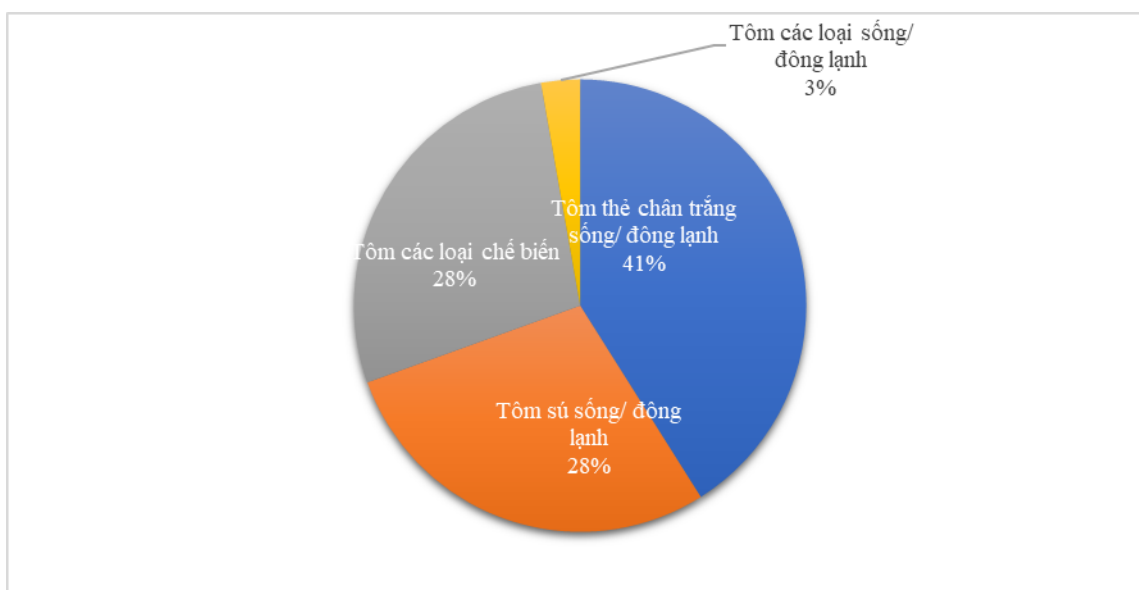
Hình 27. Cơ cấu cá tra xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 12/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 12/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này đạt 4,7 triệu USD. Trong đó, tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 1,9 triệu USD, chiếm 39,6% tổng giá trị sản phẩm tôm, giảm 17,2% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 1,3 triệu USD, chiếm 26,7%, giảm 7,3%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 1,3 triệu USD, chiếm 27,4%, tăng 26,4%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,1 triệu, chiếm 2,7 %, giảm 54,6%.

Hình 28. Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 12/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số sản phẩm thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 12/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 6,1 triệu USD, chiếm 8,6% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2021; cá ngừ đạt 4,2 triệu USD, chiếm 5,9%, tăng 4,2%; cá rô phi đạt 0,2 triệu USD, chiếm 0,3%, giảm 33,3%; cua ghẹ đạt 0,2 triệu USD, chiếm 0,3%, tăng 25,2%; thủy sản khác đạt 45 triệu USD (trong đó chủ yếu là giá trị xuất khẩu cá nục đạt 18,9 triệu USD), chiếm 63,4% và tăng 34,8%.

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 12/2022 sang thị trường này đạt 1,8 USD/kg, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2021; tôm đạt 7,2 USD/kg, tăng 31,1%; cá rô phi đạt 1,9 USD/kg, giảm 3,9%.

Bảng 1. Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 12/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,8	-3,3%	-3,8%
2	Cá rô phi	1,9	-3,9%	37,4%
3	Cua, ghẹ	6,2	18,5%	5,8%
4	Mực và bạch tuộc	8,9	17,9%	-1,2%
5	Tôm	7,2	31,1%	-2,7%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

Năm 2023, có nhiều tín hiệu tích cực từ các thị trường gạo xuất khẩu, nhất là tín hiệu đến từ Philippines – thị trường chủ lực của gạo Việt Nam. Đặc biệt, khi vào thu hoạch rộ lúa Đông Xuân, nguồn cung lúa gạo hàng hóa nhiều giá lúa sẽ giảm khi đó doanh nghiệp gạo rất cần tiền mua lúa tạm trữ.

Để có thể xuất khẩu gạo được giá tốt vừa đảm bảo lợi ích cho nông dân lẫn doanh nghiệp, các doanh nghiệp gạo cần chuẩn bị nguồn vốn để vào vụ Đông Xuân - vụ lúa chính cho sản lượng và chất lượng lúa gạo tốt nhất mua dự trữ với khối lượng lớn, vì hầu hết các nước nhập khẩu gạo đều muốn mua gạo của Việt Nam trong vụ mùa này.

2. Rau quả

Theo đại diện Thương vụ Việt Nam tại Malaysia chia sẻ tại phiên tư vấn xuất khẩu sang thị trường RCEP do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp với các Thương vụ Việt Nam tại các thị trường thành viên Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tổ chức ngày 8/6/2022, Malaysia đã gỡ lệnh cấm nhập khẩu ớt Việt Nam từ tháng 4-2021. Tuy nhiên, nếu muốn nhập khẩu vào Malaysia thì trái ớt của Việt Nam phải được Bộ Nông nghiệp và PTNT xác nhận các khu canh tác ớt riêng, đủ đáp ứng yêu cầu. Hiện nay, nhu cầu tiêu dùng ớt tại Malaysia và Trung Quốc rất lớn. Các đơn đặt hàng, nhu cầu tiêu thụ đặc biệt sản phẩm ớt đến Thương vụ nhiều nhưng chưa tìm được nguồn cung tại Việt Nam đáp ứng đủ yêu cầu của Malaysia. Do đó các doanh nghiệp và người trồng ớt nên liên hệ với Bộ NN&PTNT để triển khai sớm.

3. Thủy sản

Năm 2023, các nước ASEAN tiếp tục là điểm đến tiềm năng và thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Lợi thế về vị trí địa lý và sự ổn định kinh tế của khu vực này là động lực để các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang thị trường này

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 12/2022

Sản phẩm	Tháng 12/ 2022 (USD)	Tăng /giảm so T11/2022	Tăng /giảm so T12/2021	Tỷ trọng
Cà phê	21.007.428	-32,53%	-23,95%	6%
Cao su	2.706.215	4,06%	-45,81%	1%
Chè	1.048.172	-0,14%	-29,21%	0%
Gạo	142.493.571	-0,31%	56,68%	40%
Gỗ và sản phẩm gỗ	28.383.879	19,29%	-9,42%	8%
Hàng rau quả	18.315.757	-16,76%	-21,39%	5%
Hàng thủy sản	70.571.145	21,21%	10,91%	20%
Hạt điều	5.391.673	-27,70%	-40,22%	1%
Hạt tiêu	3.252.489	-25,85%	-18,31%	1%
Phân bón các loại	31.852.058	64,72%	-29,05%	9%
Sản phẩm từ cao su	5.939.579	-3,09%	-9,00%	2%
Sắn và các sản phẩm từ sắn	3.065.573	102,73%	333,74%	1%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	26.074.022	-12,17%	-69,37%	7%
Tổng	360.101.561	2,81%	-8,50%	100%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 12/2022

Mặt hàng	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Gạo đỏ	27.561	25.470	-7,6%
Gạo Japonica	2.151.568	2.149.656	-0,1%
Gạo nếp	8.169.057	10.693.487	30,9%
Gạo thơm	24.129.449	34.416.116	42,6%
Gạo trắng	57.922.747	98.281.052	69,7%
Tổng	92.400.382	142.565.781	56,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả sang ASEAN tháng 12/2022

Sản phẩm	Tháng 12/2021 (USD)	Tháng 12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Tổng giá trị XK	24.121.176	19.269.927	-20,1%
Sầu riêng	5.569.917	2.960.241	-46,9%
Ớt	3.898.157	2.671.533	-31,5%
Bưởi	56.169	1.782.955	3074,3%
Thanh long	1.463.356	1.545.236	5,6%
Khoai lang	1.773.228	1.367.494	-22,9%
Chuối	358.444	957.058	167,0%
Dừa	4.031.905	889.927	-77,9%
Khác	6.969.999	7.095.483	1,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 12/2022

Mặt hàng	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	5.425.157,28	10.578.841,22	-48,7%
Cà phê tan	10.694.150,76	12.490.401,24	-14,4%
Khác	4.149.003,46	4.122.043,77	0,7%
Đã rang chưa khử cafein	723.096,17	425.178,22	70,1%
Đã rang đã khử cafein	9.985,00	425.178,22	-97,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6. Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 12/2022

Loại sản phẩm	Tháng 12/2022 (USD)	Tháng 12/2021 (USD)	So sánh 2022/21(%)
Cá da trơn	10.792.497,1	15.567.822,3	-30,7%
Cá ngừ	4.198.732,2	4.031.305,4	4,2%
Cá rô phi	203.866,8	305.821,0	-33,3%
Cua, ghẹ	172.153,2	137.551,8	25,2%
Mực và bạch tuộc	6.093.068,6	5.610.706,6	8,6%
Tôm	4.722.289,9	4.949.403,2	-4,6%
Thủy sản khác	44.979.600,0	33.525.078,9	34,2%
Tổng	71.162.207,8	64.127.689,1	11,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan